

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

VĨNH BẢO NGỌC

**TÁI CẤU TRÚC NÔNG NGHIỆP: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ
VÀ MỘT SỐ HÀM Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
Chuyên ngành: Kinh tế Quốc tế
Mã số: 9310106.01

HÀ NỘI - 2021

**LUẬN ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS. TS. Nguyễn Mạnh Hùng**
- 2. TS. Nguyễn Cẩm Nhung**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ họp tại:
Trường Đại học Kinh tế, Đại Học Quốc Gia Hà Nội
Vào hồi ... giờ, ngày tháng năm 2021

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia**
- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu

Trong hơn 30 năm Đổi mới, nhờ có những chủ trương, định hướng và các chính sách đúng đắn, nông nghiệp Việt Nam đã đạt được một số những thành tựu đáng ghi nhận. Từ một nước nhập khẩu lương thực ròng, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông nghiệp với nhiều mặt hàng đứng hàng đầu thế giới. Nhờ những thành tựu phát triển nông nghiệp, hàng triệu người nông dân Việt Nam đã thoát khỏi cảnh đói nghèo; bộ mặt kinh tế-xã hội ở nông thôn thay đổi rõ rệt theo hướng văn minh. Cùng với những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội đạt được đã xuất hiện những suy nghĩ mới về chiến lược phát triển nông nghiệp Việt Nam trong thời gian tới. Nhiều câu hỏi đã được đặt ra đòi hỏi phải suy nghĩ lại, như: nông nghiệp có vai trò như thế nào trong sự thành công của quá trình công nghiệp hoá? Liệu Việt Nam có cần tập trung quá nhiều nguồn lực cho phát triển nông nghiệp? Nếu như nông nghiệp vẫn là ngành quan trọng hàng đầu thì sẽ phải phát triển như thế nào trong một bối cảnh đã hoàn toàn khác trước?

Trong bối cảnh đó, vấn đề nghiên cứu “Tái cấu trúc nông nghiệp: Kinh nghiệm quốc tế và một số hàm ý đối với Việt Nam” có ý nghĩa cấp thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn, cụ thể ở những vấn đề sau:

Một là, tư duy và lý luận về các xu hướng tái cấu trúc ngành nông nghiệp mới trên thế giới hiện nay khá đa dạng, đan xen và liên tục biến động. Trong khi đó, tư duy nông nghiệp của Việt Nam phần nào vẫn còn mang tính chất “tự cung tự cấp”, khép kín và lạc hậu; chưa bắt kịp được với những xu thế mới. Do vậy, cần có các nghiên cứu tạo lập nền tảng cho một tư duy phát triển nông nghiệp mới, thoát hẳn ra khỏi tư duy của nền kinh tế nông nghiệp khép kín để hướng tới một nền nông nghiệp sản xuất lớn, hoạt động theo cơ chế thị trường; chuyển từ những mô hình quản trị sản xuất, kinh doanh nông nghiệp lạc hậu sang những mô hình mới, phù hợp với xu thế hiện đại.

Hai là, bối cảnh quốc tế mới với ảnh hưởng ngày càng gia tăng của các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư...cùng với những điểm nghẽn phát triển bên trong như tích tụ đất đai, hạ tầng lạc hậu, các yếu tố đầu vào không ổn định, dịch vụ nông nghiệp thiếu...đang tạo ra những áp lực đối với nền nông nghiệp truyền thống của Việt Nam. Đồng thời, ngành nông nghiệp cũng được cho là một trong những lĩnh vực dễ bị tổn thương khi Việt Nam tham gia vào các hiệp định tự do thương mại, đặc biệt là những hiệp định thế hệ mới. Do đó, cần nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế từ đó trong vấn đề tái cơ cấu nông nghiệp đề xuất được những thay đổi để giảm thiểu rủi ro, tận dụng cơ hội để phát triển.

Ba là, trong những năm qua, thế giới đã chứng kiến sự xuất hiện của nhiều phương thức và mô hình phát triển nông nghiệp mới, ưu việt như: mô hình nông nghiệp xanh, nông nghiệp bền vững hay nông nghiệp thông minh...Việc nghiên cứu các mô hình nông nghiệp trên thế giới, những bài học

thành công và thất bại trong việc áp dụng các mô hình này là tư liệu quan trọng để xây dựng những mô hình phát triển nông nghiệp hiện đại, phù hợp với những điều kiện đặc thù của Việt Nam.

Bốn là, về mặt chính sách, tháng 6/2013 Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” nhằm duy trì tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII năm 2016 đã nêu bật các thành tựu và tồn tại của chính sách nông nghiệp-nông thôn từ thời kỳ Đổi mới đến nay cũng như những cơ hội và thách thức đối với quá trình phát triển nông nghiệp. Đại hội cũng đưa ra những chủ trương, giải pháp lớn để phát triển nền nông nghiệp, nhấn mạnh tới việc thực hiện những đột phá về nông nghiệp, trong đó lấy trọng tâm là tái cơ cấu ngành nông nghiệp và triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới.

Với những vấn đề đã nêu, kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới tư duy trong phát triển nông nghiệp, đề ra các giải pháp đột phá vào những điểm nghẽn để tạo ra sự thay đổi, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách phát triển của Việt Nam với các nước có nền nông nghiệp tiên tiến trên thế giới.

2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu: Tại sao cần phải tái cấu trúc nông nghiệp, có những nhân tố nào ảnh hưởng đến tái cấu trúc nông nghiệp, Tái cấu trúc nông nghiệp đã và đang diễn ra tại một số nước trên thế giới như thế nào, Những kinh nghiệm gì được rút ra từ chính sách tái cấu trúc nông nghiệp của các quốc gia trên thế giới có thể phù hợp với Việt Nam.

3. Mục đích (hoặc mục tiêu) và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu kinh nghiệm tái cấu trúc nông nghiệp của một số nước trên thế giới từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp đột phá nhằm tái cấu trúc ngành nông nghiệp Việt Nam.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để giải quyết mục đích nghiên cứu nêu trên, Luận án đặt ra ba nhiệm vụ nghiên cứu:

i) Hệ thống hoá các quan niệm, lý thuyết liên quan đến vấn đề tái cấu trúc nông nghiệp;

ii) Phân tích, đánh giá quá trình tái cấu trúc nông nghiệp của một số quốc gia trên thế giới để rút ra một số bài học kinh nghiệm có thể vận dụng trong điều kiện của Việt Nam

iii) Từ kinh nghiệm quốc tế, đề xuất các định hướng và giải pháp đột phá nhằm tái cấu trúc ngành nông nghiệp Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là vấn đề tái cấu trúc ngành nông nghiệp.

Luận án tập trung vào ba vấn đề: i) phát triển một nền nông nghiệp bền vững; ii) phát triển một nền nông nghiệp thông minh; và iii) phát triển một nền nông nghiệp hội nhập.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian: từ khoảng những năm 1970 đến nay là thời điểm khi có những thay đổi mang tính cách mạng trong phát triển nông nghiệp

- Về phạm vi về không gian và kinh nghiệm quốc tế: nghiên cứu mô hình và chính sách của một số nước có khả năng vận dụng cho Việt Nam như:

i) Israel (với kinh nghiệm điển hình về tái cấu trúc nông nghiệp công nghệ cao);

ii) Nhật Bản (với kinh nghiệm điển hình về chính sách bảo hộ nông nghiệp, hỗ trợ người nông dân, xúc tiến đầu tư và thương mại cho nông nghiệp, nông thôn...);

iii) Thái Lan (với kinh nghiệm điển hình về chính sách phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn; và sự thất bại của chính sách hỗ trợ thu mua nông sản trong thời gian gần đây).

- Phạm vi về ngành nông nghiệp của Việt Nam: tập trung vào ba lĩnh vực là trồng trọt, chăn nuôi, phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn

5. Những đóng góp mới của luận án

Điểm mới của luận án như sau:

Các nghiên cứu lý thuyết về tái cấu trúc ngành nông nghiệp ở Việt Nam hiện không có nhiều; cũng không có nhiều nghiên cứu đưa ra các luận điểm khoa học về định hướng tái cấu trúc ngành nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt theo hướng chuyển sang các mô hình nông nghiệp mới, hiện đại và bền vững. Việc đánh giá thực trạng tái cấu trúc nền nông nghiệp của Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện còn thiếu vắng, nhất là những nghiên cứu vừa mang tính hệ thống, vừa mang tính chuyên sâu. Bởi vậy, với góc độ tiếp cận liên ngành và phát triển bền vững, việc luận án nghiên cứu vấn đề tái cấu trúc nông nghiệp gắn với kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam dưới tác động của bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện (như: tác động từ việc tham gia các FTA, biến đổi khí hậu, cách mạng công nghiệp lần thứ tư...) có thể là một đóng góp khoa học mới.

6. Kết cấu của Luận án

Ngoại trừ Phần Mở Đầu Và Kết Luận, Luận án được chia thành 6 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Cơ sở lý luận về tái cấu trúc nông nghiệp

Chương 3. Tái cấu trúc nông nghiệp của một số nước trên thế giới

Chương 4. Gợi mở chính sách đối với tái cấu trúc nông nghiệp Việt Nam

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Từ các nghiên cứu hiện nay cho thấy một số vấn đề nổi bật trong lý luận và thực tiễn tái cấu trúc nông nghiệp như sau:

Một là, các nghiên cứu đã đánh giá cao sự thay đổi phát triển của ngành nông nghiệp trong những thập kỷ qua, nêu ra được một số thành công, thất bại của các quá trình cải cách nông nghiệp song chưa chỉ ra được những mô hình cải cách mới.

Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra những yếu kém của các nền nông nghiệp đi sau. Đặc biệt, quá trình công nghiệp hóa nông thôn thiếu bền vững đã tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và môi trường sống của con người. Diện tích đất canh tác ngày càng bị thu hẹp, chất lượng đất ngày càng bị suy thoái và xung đột giữa nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên gia tăng. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước kém hiệu quả và thiếu bền vững. Điều này cho thấy đang có sự đánh đổi giữa thành tích công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tăng trưởng kinh tế với ô nhiễm và suy thoái môi trường.

Nhiều nghiên cứu cũng đã phân tích khá sâu quá trình phát triển nông nghiệp của một số nước. Tuy nhiên, hạn chế của những nghiên cứu này là thiếu tính cập nhật, đặc biệt cập nhật tác động của bối cảnh mới như cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với lĩnh vực nông nghiệp. Hơn nữa, khi phân tích các quá trình cải cách hay tái cơ cấu nông nghiệp, các nghiên cứu này cũng không chỉ ra được những đặc thù hay tính phổ quát của quá trình này, từ đó có những gợi ý cho việc nhân rộng hay học tập các mô hình cải cách đó.

Thực tế cho thấy, việc áp dụng một cách máy móc những mô hình nông nghiệp ở các nước phát triển có thể không thành công ở những nền kinh tế đang phát triển đi sau. Bởi vậy, đối với các nền kinh tế này, một mặt cần học tập lẫn nhau; mặt khác cần chủ động xây dựng những mô hình cải cách của riêng mình dựa vào kinh nghiệm chung của quốc tế và đặc thù của quốc gia.

Hai là, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra được các hạn chế của ngành nông nghiệp Việt Nam. Điểm chung mà các nghiên cứu đó nêu ra là sau gần 30 năm đổi mới, trong lĩnh vực nông nghiệp, quy mô sản xuất nhỏ, cách thức tổ chức sản xuất truyền thống, chủ yếu là kinh tế hộ, vẫn phổ biến; cơ cấu nội ngành thay đổi rất ít và chậm chạp; các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh đã khai thác đến mức cao nhưng vẫn chỉ ở dạng sản phẩm nguyên liệu thô; nhiều lợi thế nông nghiệp nhiệt đới chưa được khai thác, củng cố và phát triển. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra cũng còn chậm và ngày càng bộ lộ rõ tính lạc hậu, kém hiệu quả. Hoạt động sản xuất nông nghiệp xuất hiện một số xu hướng lệch lạc do chạy theo lợi nhuận trước mắt, làm tổn hại sức khỏe con người và ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái. Trình độ phát triển kinh tế nông thôn còn thấp so với yêu cầu phát triển xanh và bền vững.

Với góc độ tiếp cận liên ngành và phát triển bền vững, việc luận án nghiên cứu vấn đề tái cấu trúc nông nghiệp gắn với kinh nghiệm quốc tế và hàm

ý chính sách cho Việt Nam dưới tác động của bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện (như: tác động từ việc tham gia các FTA, biến đổi khí hậu, cách mạng công nghiệp lần thứ tư...) là phù hợp.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÁI CẤU TRÚC NÔNG NGHIỆP

2.1 Các khái niệm và lý thuyết liên quan đến tái cấu trúc nông nghiệp

2.1.1 Nông nghiệp và phát triển nông nghiệp

Luận án tiếp cận nông nghiệp là ngành sản xuất lớn, gồm có các chuyên ngành như: Nông nghiệp thuần (bao gồm trồng trọt và chăn nuôi), lâm nghiệp, thủy sản, vì với cách tiếp cận đó sẽ giúp cho việc nghiên cứu phù hợp với các quan niệm phổ biến hiện nay.

2.1.2 Tái cấu trúc kinh tế và tái cấu trúc nông nghiệp

Tái cấu trúc nông nghiệp có thể được hiểu theo nghĩa rộng hoặc theo nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng, tái cấu trúc nông nghiệp là một quá trình cải cách, chuyển đổi cách thức tổ chức và hoạt động của một nền nông nghiệp theo hướng giải phóng các nguồn lực khan hiếm, phân bổ lại một cách có hiệu quả các nguồn lực này vào các lĩnh vực năng động hơn. Quan niệm này đề cập đến vấn đề tái cấu trúc toàn bộ nền nông nghiệp, trong đó bao gồm tất cả những yếu tố cấu thành quan trọng của nó như: lĩnh vực, vùng lãnh thổ, sản phẩm, nguồn nhân lực, thể chế, doanh nghiệp, các loại thị trường...

Theo nghĩa hẹp, tái cấu trúc nông nghiệp được phân thành nhiều loại như: tái cấu trúc sở hữu (ví dụ: trong lĩnh vực đất đai), tái cấu trúc các tiểu ngành nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt, thủy hải sản, lâm nghiệp), tái cấu trúc vùng lãnh thổ nông nghiệp, tái cấu trúc đầu tư cho nông nghiệp, tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp và các chủ thể sản xuất, kinh doanh khác trong nông nghiệp, tái cấu trúc hệ thống thể chế cho phát triển nông nghiệp...theo hướng làm thay đổi cấu trúc (cơ cấu) trong mỗi lĩnh vực nói trên, kể cả quan hệ về số lượng và chất lượng.

Luận án tiếp cận vấn đề tái cấu trúc nông nghiệp theo nghĩa rộng thể hiện qua các đánh giá về sự thay đổi tầm nhìn, chiến lược, cơ cấu lại toàn bộ tổ chức có tính hệ thống. Với quan niệm này, khái niệm tái cấu trúc nông nghiệp có nghĩa gần với khái niệm cải cách hay đổi mới nông nghiệp. Theo nghĩa hẹp, thực tế cho thấy, để tái cấu trúc được thành công, điều quan trọng là cần xác định những trọng điểm trong tái cấu trúc để tạo ra được các đột phá trong phát triển.

2.1.3 Các lý thuyết liên quan đến tái cấu trúc nông nghiệp

2.1.3.1. Các lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Các thuyết về phát triển bắt đầu bằng mối quan hệ đối lập giữa một bên là xã hội truyền thống và bên kia là xã hội hiện đại. Xã hội truyền thống được định nghĩa là “nông nghiệp”, “lạc hậu”, kém phát triển; còn xã hội hiện đại là “công nghiệp” và “văn minh”. Nông dân là những người làm nông nghiệp,

thiếu vốn sản xuất, trình độ lao động thấp và thường áp dụng các kỹ thuật sản xuất lạc hậu. Vì thế, nông dân cần phải được hiện đại hoá, được tạo cơ hội tiếp cận với vốn, kỹ thuật, thị trường và cần được hỗ trợ. Với lập luận như vậy, thuyết phát triển cho rằng, các nông hộ sản xuất nhỏ nên được hỗ trợ về vốn và kỹ thuật để trở thành các trang trại sản xuất hàng hoá qui mô phù hợp với nền kinh tế hàng hoá.

2.1.3.2. Các lý thuyết về thể chế

Lý thuyết cải cách thể chế phát triển nông nghiệp đề cập đến một chuỗi các vấn đề và chính sách, từ các khía cạnh vĩ mô đến nguyên tắc thương mại, tài chính ngân hàng, thị trường lao động và sự cai trị cho phép huy động và phân bổ các nguồn lực hiệu quả, thúc đẩy doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình và nhiều mô hình tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp khác, các vấn đề về sáng tạo và phổ biến, sử dụng tri thức hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, các lý thuyết về thể chế thường dành nhiều thời gian để thảo luận vấn đề sở hữu đất đai trong nông nghiệp, coi đây là một trong những điểm nghẽn quan trọng đối với phát triển nông nghiệp. Lịch sử cho thấy, các nước đã tiến hành nhiều cuộc cải cách đất đai nông nghiệp và mang lại những kết quả khác nhau.

2.1.3.3. Các lý thuyết về tự do hóa

Lý thuyết tự do kinh tế cho rằng, việc kiểm soát giá cả sẽ đem lại những tác động tiêu cực đối với phát triển nông nghiệp; tương tự sự can thiệp của nhà nước cũng sẽ mang lại những hệ quả tiêu cực về mặt lâu dài đối với một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá. Chủ nghĩa tự do ủng hộ mở cửa thị trường nông nghiệp; phản đối sự can thiệp của chính phủ vào thị trường khi nó cản trở thương mại tự do và cạnh tranh mở.

2.1.3.4. Các lý thuyết về yếu tố công nghệ

Các lý thuyết về công nghệ đã nỗ lực giải thích sự di chuyển của các dòng vốn đầu tư vào các lĩnh vực. Theo lý thuyết này, khi một nước có sản phẩm mới và công nghệ mới thì họ sẽ xuất khẩu sản phẩm mới sang nước khác. Với hai quốc gia có trình độ phát triển khác nhau, nước có trình độ công nghệ cao sẽ xuất khẩu các sản phẩm mới, công nghệ mới sang nước có trình độ phát triển công nghệ thấp để đổi lấy các mặt hàng đã được chuẩn hóa. Sau đó, các sản phẩm mới lại được chuẩn hóa ở nước thứ hai và nước thứ nhất với khả năng sáng tạo cao lại đưa ra các sản phẩm công nghệ cao hơn phức tạp hơn.

2.1.3.5. Các lý thuyết về phát triển bền vững

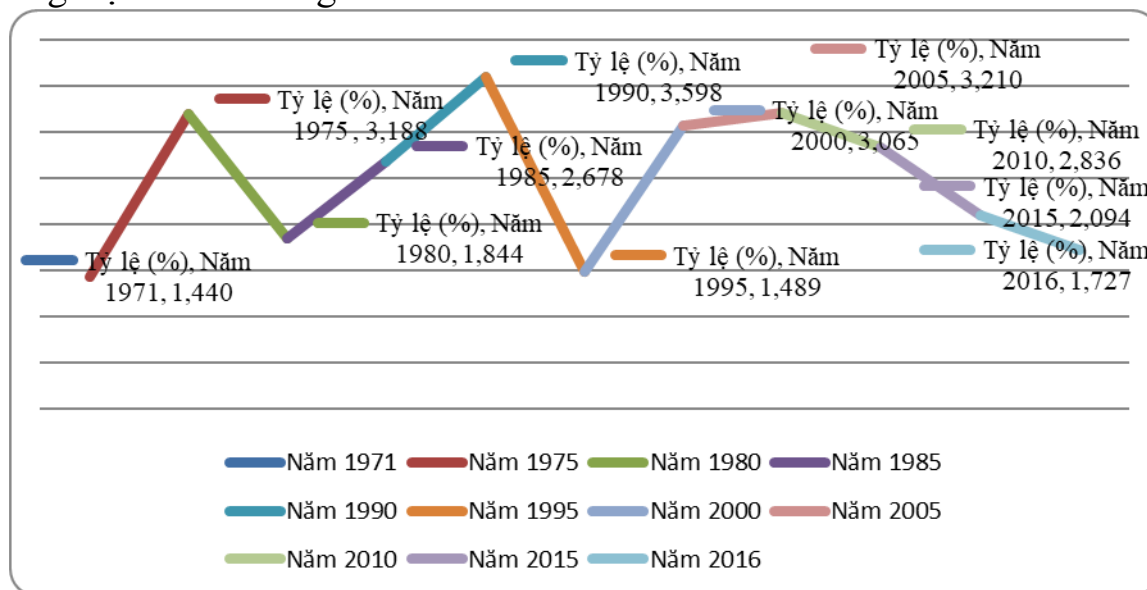
Xét về phía các trụ cột, cách tiếp cận phát triển bền vững không đặt trọng tâm vào bất kỳ một trụ cột nào mà đòi hỏi tất cả trụ cột phải bền vững đồng thời. Chỉ một trụ cột bền vững là không đủ bởi các lý do sau: (i) Mỗi một trụ cột có tầm quan trọng một cách tương đối độc lập, nghĩa là ảnh hưởng đến các khía cạnh khác nhau của đời sống con người; và (ii) Các trụ cột có liên quan mật thiết với nhau, vì vậy những nỗ lực tập trung chỉ vào một vấn đề rất có thể sẽ làm các vấn đề khác trở nên tồi hơn; và cách tốt nhất để xử lý là trước khi ra các quyết định phải cân nhắc toàn diện các hậu quả. Mặc dù có nhiều khái niệm

về phát triển bền vững và nhiều cách phân chia trụ cột của phát triển bền vững thì xu hướng chung là hài hoà hoá cả 3 mục tiêu bền vững kinh tế, công bằng xã hội và bền vững về mặt môi trường trong lựa chọn tăng trưởng và phát triển.

2.2 Sự cần thiết và yêu cầu đối với tái cấu trúc nông nghiệp

2.2.1 Thực trạng phát triển nông nghiệp thế giới

Xét trên quy mô toàn cầu, sản xuất nông nghiệp tăng nhanh hơn dân số trong những thập kỷ gần đây. Các mô hình phát triển nông nghiệp cũ dần được thay thế bởi các mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại, và việc mở rộng diện tích trồng trọt đã cho năng suất cao hơn rất nhiều.



Hình 0.1: Tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp thế giới giai đoạn 1971-2016 (%)

2.2.2 Yêu cầu tái cấu trúc nông nghiệp

2.2.2.1 Phát triển nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực

An ninh lương thực là vấn đề nóng bỏng trên toàn cầu, không thể chủ quan. Việc bảo đảm an ninh lương thực được các quốc gia đang phát triển coi là nhiệm vụ quan trọng trong chương trình nghị sự và phát triển của đất nước. Chính sách nông nghiệp sai lầm cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho tình trạng an ninh lương thực của nhiều nước trở nên bấp bênh. Thực tiễn của các nước đã chứng minh chỉ có thể phát triển kinh tế một cách nhanh chóng, chừng nào quốc gia đó đã có an ninh lương thực. Để đảm bảo nhu cầu về lương thực trong nước thì một quốc gia cần tăng cung lương thực cho nền kinh tế quốc dân bằng sản xuất – hoặc nhập khẩu lương thực.

2.2.2.2 Phát triển nông nghiệp giúp giảm nghèo và đảm bảo công bằng xã hội

Ngoài việc đảm bảo an ninh lương thực, nông nghiệp còn là công cụ hiệu quả trong công tác giảm nghèo. Tăng trưởng nông nghiệp có ảnh hưởng mạnh tới giảm nghèo tại tất cả các quốc gia, từ các quốc gia dựa vào nông nghiệp (hầu hết ở châu Phi Nam Sahara) cho đến các nền kinh tế đang chuyển đổi và các nền kinh tế đã đô thị hóa. Theo WB, tốc độ tăng trưởng GDP trong nông nghiệp có hiệu

quả giảm nghèo hơn gấp đôi so với tăng trưởng GDP của các ngành khác. Tăng trưởng trong lĩnh vực nông nghiệp có hiệu quả gấp hai đến bốn lần trong việc nâng cao thu nhập giữa những người nghèo nhất so với các ngành khác.

2.2.2.3 Phát triển nông nghiệp tạo nền tảng cho phát triển công nghiệp và đô thị, thúc đẩy ngành dịch vụ

Tiến bộ trong nông nghiệp giúp cải thiện việc cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Sự thiếu hụt hàng nông nghiệp có ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp, làm tăng giá lương thực và sẽ cản trở sự phát triển nền kinh tế của đất nước. Khu vực nông nghiệp cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến. Những nhà máy sản xuất bột mì, vỏ bọc gạo, các nhà máy dầu, các sản phẩm đường, nhà máy rượu vang, nhà máy đay, các nhà máy dệt và nhiều ngành công nghiệp khác đều dựa trên các sản phẩm nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp tạo điều kiện thay đổi nguồn nhân lực. Những tiến bộ trong ngành nông nghiệp cho phép chuyển đổi nguồn nhân lực từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Ngày nay hình thức nông nghiệp kết hợp với công nghiệp đã trở thành phổ biến ở hầu hết các quốc gia. Phát triển các vùng chuyên canh nông nghiệp kết hợp với công nghiệp chế biến có ý nghĩa rất quan trọng đối với tổ chức lãnh thổ nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội các vùng nông thôn.

2.3 Các nhân tố mới ảnh hưởng đến tái cấu trúc nông nghiệp

2.3.1 Tăng dân số và tổn thất tài nguyên thiên nhiên

Theo tài liệu của Cơ quan Dân số Liên hợp quốc, dân số thế giới năm 2016 là khoảng hơn 7 tỷ người và đến năm 2050 là 9 tỷ người. Lương thực nuôi sống nhân loại vốn là mối quan tâm từ xưa tới nay của con người. FAO ước tính trong bốn thập niên tới, số dân thế giới sẽ tăng thêm khoảng 2,3 tỷ người. Để đáp ứng nhu cầu của 9 tỷ người vào năm 2050, lượng lương thực sẽ cần nhiều hơn 70% so với sản lượng lương thực hiện nay của thế giới. Trong khi đó, những năm tới đây hệ thống sản xuất lương thực toàn cầu phải đương đầu những thách thức đang tăng lên do tình trạng biến đổi khí hậu, có thể làm giảm 30% sản lượng nông nghiệp ở châu Phi, 21% ở các nước đang phát triển nói chung cùng với mối đe dọa về dịch bệnh trên cây trồng mà sản phẩm dùng làm lương thực cho người, nguồn cung cấp chính về năng lượng và chất bột trong khẩu phần thức ăn cho toàn dân số trên thế giới, có thể cho sản lượng kịp thời yêu cầu đang đặt ra hay không?

Sản xuất nông nghiệp thế giới đang phải đối mặt với những thách thức to lớn, nhu cầu sử dụng sản phẩm nông nghiệp để nuôi sống nhân loại tăng, trong khi đó hai yếu tố quan trọng của sản xuất nông nghiệp là đất và nước đang bị suy giảm nghiêm trọng. Tại những vùng sản xuất nông nghiệp khác trên thế giới không áp dụng biện pháp thâm canh mà áp dụng biện pháp quảng canh cũng gây ra nhiều vấn đề môi trường khác trong đó chủ yếu là sự suy thoái và mất rừng, đất ngập nước. Suy thoái tài nguyên thiên nhiên tác động xấu đến sản xuất nông nghiệp tương lai.

2.3.2 *Biến đổi khí hậu toàn cầu*

Biến đổi khí hậu toàn cầu trong khoảng một thập kỷ tới sẽ diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh hơn và tác động ngày càng nghiêm trọng tới nền kinh tế, đời sống và an ninh con người. Theo các dự báo của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) của Liên Hiệp Quốc (IPCC, Báo cáo SREX, 2018), các hiện tượng khí hậu cực đoan sẽ diễn ra nhiều hơn trong những năm sắp tới trên toàn thế giới như: nhiệt độ nóng bất thường; băng tan và nhiệt độ tăng cao được coi như hai nguyên nhân chính dẫn đến mực nước đại dương cao dần lên, làm ngập mặn các đồng bằng thấp ven biển; trong số các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt thì lũ lụt được coi là tồi tệ nhất, gây ra nhiều thiệt hại về nhân mạng và tài sản nhất. Các nhà khoa học thuộc IPCC dự báo tổn thất kinh tế từ biến đổi khí hậu sẽ tăng cao và có thể chạm mức thiệt hại 200 tỉ USD mỗi năm, đến 2030 tổn thất này có thể lên tới khoảng 600 tỉ USD/năm.

Vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu đặt thế giới đứng trước những lo ngại về một cuộc khủng hoảng lương thực mới. Sự gia tăng nhanh chóng của dân số thế giới - được dự báo là sẽ lên tới 9 tỉ người vào giữa thế kỷ 21 - và kéo theo đó là nhu cầu tiêu thụ lương thực ngày càng tăng cũng được coi là một trong những nguyên nhân quan trọng gây ra tình trạng khủng hoảng lương thực hiện nay.

Ngoài ra, trên thế giới hiện đã xuất hiện những khái niệm như: “*Nông nghiệp thông minh*”, gọi một cách đầy đủ là “*nông nghiệp thích ứng thông minh với khí hậu*”, là một cách tiếp cận mới về phát triển nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu, nhằm đảm bảo an ninh lương thực, thực hiện tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Phát triển nông nghiệp thông minh không chỉ nhằm đảm bảo an ninh lương thực và tăng sản lượng nông nghiệp mà còn nhằm mục tiêu lớn hơn là nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo công bằng xã hội và phát triển con người.

2.3.3 *Cách mạng khoa học công nghệ*

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra nhanh chóng, đặc biệt với những đột phá công nghệ trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, robots, internet kết nối vạn vật, công nghệ in 3 chiều, công nghệ nano,...

Quá trình phát triển nông nghiệp trên thế giới đến nay cũng trải qua bốn tầng nấc công nghệ. Nông nghiệp 1.0 chủ yếu dựa vào sức lao động và phụ thuộc thiên nhiên do đó năng suất lao động thấp, quy mô sản xuất nhỏ lẻ. Nông nghiệp 2.0 dựa trên nền tảng là Cách mạng xanh, được đánh dấu bởi việc sử dụng các giống cây cải tiến, canh tác kết hợp sử dụng hóa học hóa trong phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, cơ khí phục vụ nông nghiệp, hình thành công nghệ sau thu hoạch. Nông nghiệp 3.0 đã tạo bước đột phá về công nghệ nhờ áp dụng các thành tựu khoa học về công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, thiết bị định vị toàn cầu (GPS), các công nghệ làm đất, công nghệ sau thu hoạch sử dụng rộng rãi trên toàn cầu và từng bước áp dụng các công nghệ điều khiển tự động và cảm biến, giao dịch nông sản thương mại điện tử, từ đó đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, hình thành chuỗi nông sản toàn cầu

rộng lớn. Đây cũng là giai đoạn xuất hiện nhanh và nhiều công ty đa quốc gia kinh doanh về nông nghiệp. Nông nghiệp 4.0 phát triển diễn ra đồng thời với phát triển của công nghiệp 4.0 dựa trên các thành tựu đột phá về công nghệ như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano. "Nông nghiệp 4.0" là một quy trình khép kín bằng công nghệ như: giống chất lượng cao, phân bón thông minh, thuốc trừ sâu thảo dược; canh tác chính xác, giảm hao hụt giống và giảm khí thải nhà kính; tự động hóa từ thu hoạch, bảo quản và chế biến; ứng dụng điện toán đám mây để truy xuất nguồn gốc.

2.3.4 Tự do hóa nông nghiệp

Tự do hoá nông nghiệp luôn là một vấn đề gai góc trong các thoả thuận thương mại tự do, từ song phương cho đến đa phương, giữa mọi nhóm nước ở các trình độ phát triển khác nhau. Trong khung khổ WTO, Hiệp định về Nông nghiệp (AOA) tập trung vào bốn lĩnh vực cải cách: Tiếp cận thị trường, hỗ trợ trong nước, cạnh tranh xuất khẩu và vệ sinh/dịch tễ. Theo thoả thuận này, các thành viên cam kết giảm thuế nhập khẩu, giảm trợ cấp xuất khẩu - quảng bá và hỗ trợ tổng thể để sản xuất nông nghiệp. Thoả thuận này đề cập đến các nhu cầu và điều kiện cụ thể mà các nước đang phát triển phải đối mặt. Tuy nhiên, bên cạnh việc đưa ra một viễn cảnh thuận lợi cho các nước đang phát triển, nó cũng tác động nghiêm trọng tới các quốc gia này. Việc tham gia vào các FTA thế hệ mới như CPTPP, VEFTA, AEC... vừa là bước chuyển, vừa là thách thức mới đối với nền nông nghiệp Việt Nam. Mặc dù có thể giúp tiếp cận tốt hơn thị trường của các đối tác, gia tăng khối lượng xuất khẩu trong ngắn hạn, nhưng các FTA vẫn không bảo đảm được nền nông nghiệp Việt Nam có thể vượt lên khỏi phân khúc thấp của chuỗi giá trị toàn cầu hay cải thiện năng suất trong nông nghiệp bởi những điều này chủ yếu phụ thuộc vào tiến độ cải cách.

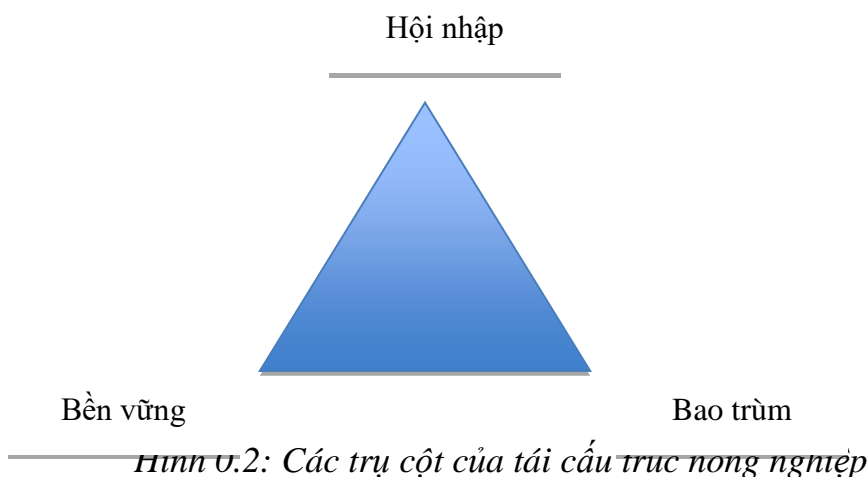
2.4 Nội dung của tái cấu trúc nông nghiệp

Tái cấu trúc ngành nông nghiệp là một hợp phần của tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế quốc dân, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

Ngày 10 tháng 6 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 899/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững". Tái cơ cấu là một quá trình phức tạp, khó khăn và lâu dài cần được thường xuyên đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm để điều chỉnh phù hợp với thực tế trên cơ sở xây dựng một hệ thống giám sát, đánh giá và tham vấn thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Trong phạm vi khuôn khổ luận án đánh giá tái cấu trúc nông nghiệp Việt Nam trong 3 ngành nghề cụ thể: trồng trọt, chăn nuôi, phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn.

2.5 Các trụ cột của tái cấu trúc nông nghiệp trong bối cảnh mới

Từ những yêu cầu bức thiết của bối cảnh hiện nay, đề tài này cho rằng, tái cấu trúc nông nghiệp ở các nền kinh tế đang phát triển cần dựa trên những cải cách ở ba trụ cột quan trọng là: i) bền vững; ii) thông minh; và iii) hội nhập.



Luận án tập trung vào những thay đổi, cải cách về mặt thể chế, chính sách trong tái cấu trúc nông nghiệp; trong đó chú trọng những thay đổi mang tính đột phá về thể chế và chính sách để mang lại những bước phát triển mới cho nông nghiệp. Trong nông nghiệp, các thể chế chính thức và phi chính thức đều đóng vai trò quan trọng. Ví dụ về các thể chế chính thức là luật pháp, quy định và hợp đồng...; còn ví dụ về các thể chế phi chính thức là sự tín nhiệm, đạo đức, các chuẩn mực, tập quán và thói quen sản xuất nông nghiệp... Các thể chế như quyền sở hữu đất đai có thể ảnh hưởng đến các động cơ sản xuất nông nghiệp. Nếu các quyền sở hữu đất đai nông nghiệp không được đảm bảo, các cá nhân và doanh nghiệp sẽ không muốn đầu tư lâu dài để sản xuất nông nghiệp.

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ RÚT RA BÀI HỌC KINH NGHIỆM TÁI CẤU TRÚC NÔNG NGHIỆP CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

3.1 Thực trạng tái cấu trúc nông nghiệp của một số nước trên thế giới

3.1.1 Tái cấu trúc nông nghiệp của Nhật Bản

3.1.1.1 Nguyên nhân và bối cảnh tái cấu trúc nông nghiệp của Nhật Bản

Là một quốc gia có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt nhưng kinh tế Nhật Bản đã vươn lên hàng thứ 3 thế giới với nền nông nghiệp hiện đại. Nhờ việc áp dụng khoa học công nghệ và các thiết bị máy móc giúp tiết kiệm sức lao động nên dù chỉ có khoảng 3% dân số làm nông nghiệp nhưng đất nước mặt trời mọc vẫn cung cấp đủ lương thực cho dân số 127 triệu người và còn dư thừa để xuất khẩu.

3.1.1.2 Chính sách của Chính phủ và nội dung tái cấu trúc nông nghiệp

i) Cải cách ruộng đất – nền tảng đổi mới hình thức tổ chức sản xuất và dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Nhật Bản

Để duy trì và bảo vệ những vùng đất tốt dùng cho mục đích nông nghiệp, Luật Cải tạo và phát triển những vùng đất có khả năng mở rộng sản xuất nông nghiệp được ban hành vào năm 1969. Năm 1970, Luật Đất đai nông nghiệp và Luật Hợp tác xã nông nghiệp được sửa đổi bổ sung đã mở rộng quyền cho thuê,

phát canh đất sản xuất nông nghiệp cũng như quyền quản lý cho các tập đoàn và các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp. Năm 1975, Nhật Bản triển khai chương trình “Đẩy mạnh sử dụng đất nông nghiệp”[19]. Chương trình này được thực hiện bổ sung vào năm 1980 và đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Nhờ có chính sách khuyến khích việc tích tụ, tập trung ruộng đất thông qua ngân hàng đất đai mà những người có nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh có thể mua hoặc thuê đất của những người không có nhu cầu hoặc không còn sức lao động. Tuy nhiên, đa phần nông dân vẫn chỉ được sở hữu những thửa ruộng nhỏ nên hoạt động sản xuất vẫn khá manh mún, và vẫn canh tác theo phương pháp thâm dụng lao động là chính.

ii) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp

Để phát triển khoa học-kỹ thuật nông nghiệp, Nhật Bản chủ yếu dựa vào các viện nghiên cứu nông nghiệp của nhà nước và chính quyền các địa phương. Các viện nghiên cứu nông nghiệp cũng tăng cường liên kết nghiên cứu với các trường đại học trong và ngoài nước, các xí nghiệp tư nhân và các hội khuyến nông; các tổ chức của nông dân nhằm giúp nông dân tiếp cận công nghệ, trang thiết bị hiện đại. Các viện nghiên cứu cũng tăng cường hợp tác với các trường đại học, các hệ thống khuyến nông, các tổ chức của nông dân để giúp nông dân tiếp cận công nghệ, trang thiết bị tiên tiến.

iii) Phát triển sản xuất có chọn lọc, nâng cao chất lượng nông sản

iv) Phát triển các hợp tác xã và tổ chức kinh tế dịch vụ

v) Chính sách “tam nông” – thành công điển hình trong chính sách phát triển nông nghiệp của Nhật Bản

Song song với những chính sách trên, Nhật Bản cũng đã thúc đẩy CNH nông nghiệp, CNH nông thôn, đô thị hóa nông thôn một cách tổng thể thông qua chính sách “tam nông” tập trung vào 3 trụ cột gồm chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và hỗ trợ cho người nông dân.

vi) Một số chính sách hỗ trợ, tái cơ cấu nông nghiệp khác

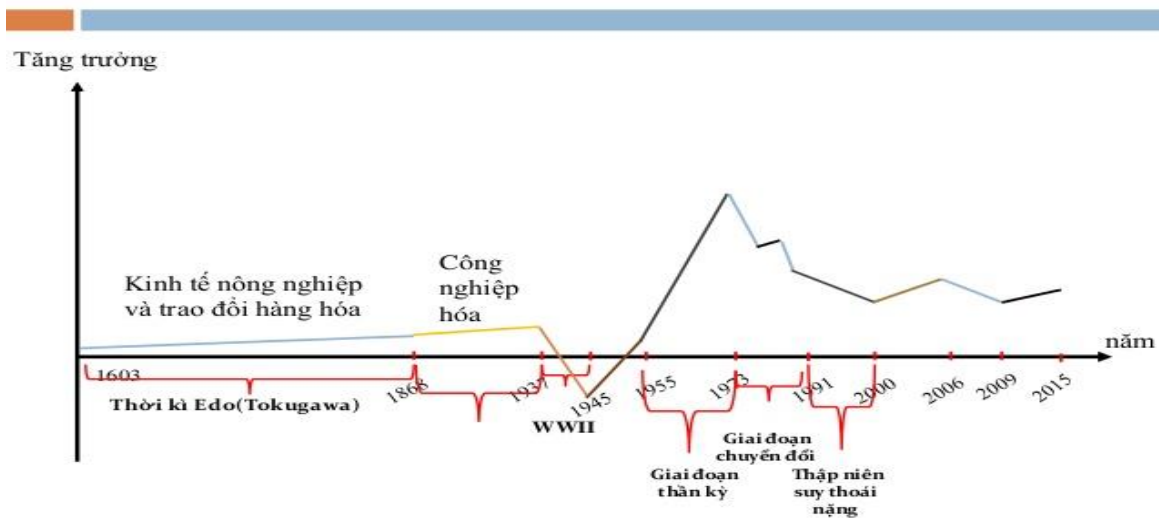
Năm 2000, chính phủ Nhật Bản đã đưa ra Kế hoạch cơ bản cho lương thực, nông nghiệp và vùng nông thôn 5 năm. Kế hoạch đề ra một số biện pháp: i) triển khai chương trình chi trả trực tiếp cho nông dân ở vùng sâu vùng xa, nhằm ngăn chặn việc bỏ hoang đất và duy trì các dịch vụ môi trường của nông nghiệp; ii) cho phép các công ty trách nhiệm hữu hạn mua đất nông nghiệp với những điều kiện nhất định nhằm thúc đẩy sát nhập các doanh nghiệp nông nghiệp. Kế hoạch cơ bản năm 2005 lại nhấn mạnh các vấn đề như: i) tầm quan trọng của những người nông dân chủ chốt; ii) chú trọng tập trung đất nông nghiệp vào những nông trại sản xuất ổn định, hiệu quả; và iii) thúc đẩy những người mới bước vào kinh doanh nông nghiệp. Năm 2015, Nhật Bản đã thực hiện hàng loạt các điều chỉnh chưa từng có trong tiền lệ đối với Luật Hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp ban hành năm 1974 vào năm 2015.

3.1.1.3 Đánh giá kết quả tái cấu trúc nông nghiệp

Nhìn chung quá trình cải cách đã mang lại những thành tựu đáng ghi nhận

cho ngành nông nghiệp Nhật bản. Quá trình này dẫn tới cơ cấu nông nghiệp thay đổi cùng với sự thay đổi điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước. Cơ cấu sản phẩm và lực lượng lao động nông nghiệp Nhật Bản có sự thay đổi rõ rệt, nhất là từ sau khi có Luật nông nghiệp Cơ bản ra đời. Hiện nay, ngành nông nghiệp Nhật Bản hiện tuy vẫn còn một số yếu điểm nhưng quá trình cải cách nông nghiệp đã thực sự giúp cho nông nghiệp của Nhật Bản phát triển đột phá.

KINH TẾ NHẬT BẢN QUA CÁC THỜI KỲ



Hình 0.1: Phát triển kinh tế Nhật Bản qua các thời kỳ

3.1.2. Tái cấu trúc nông nghiệp của Thái Lan

3.1.2.1 Nguyên nhân và bối cảnh tái cấu trúc nông nghiệp của Thái Lan

Thái Lan có lợi thế tự nhiên để phát triển nông nghiệp tại một số khu vực nhất định. Đồng bằng sông Chao Phraya được coi là khu vực cốt yếu của nền nông nghiệp Thái Lan. Đất đai màu mỡ và sự dồi dào của nguồn nước đã đóng góp cho sự phát triển nông nghiệp. Mô hình phát triển bền vững được lồng ghép vào các kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế và xã hội quốc gia của Thái Lan trong các Kế hoạch lần thứ 8, 9, 10 và 11. Các kế hoạch tuân theo Triết lý của Nhà vua về “một nền kinh tế vừa đủ”, nhằm tăng cường “sức chống chịu” của nền kinh tế bên cạnh mô hình tăng trưởng thông thường. Trong đó đối với khu vực nông nghiệp, xác định cũng là một ngành mũi nhọn trọng tâm, trong 6 chiến lược chính của quốc gia có 2 chiến lược gắn với phát triển nông nghiệp. Cụ thể ưu tiên tập trung “cân bằng an ninh lương thực và năng lượng” và “hướng tới tăng trưởng bền vững và cạnh tranh”. Trong giai đoạn mới của phát triển nông nghiệp và kinh tế Thái Lan, trọng tâm sẽ hoạt động sản xuất công nghệ cao dựa trên nền tảng tri thức, đặc biệt là trong các lĩnh vực nông nghiệp có giá trị gia tăng cao và tăng trưởng xanh nhằm nâng cao tính cạnh tranh.

3.1.2.2 Chính sách của Chính phủ và nội dung tái cấu trúc nông nghiệp

i) Chính sách hỗ trợ nông nghiệp, trợ giá nông sản – nền tảng đổi mới hình thức tổ chức sản xuất và dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thái Lan

Tái cấu trúc ngành nông nghiệp đã được tiến hành tại Thái Lan từ những năm 1980 và tiếp tục đẩy mạnh trong những năm 1990. Mục tiêu là tái cấu trúc hệ thống sản xuất và phân phối nông sản theo hướng gia tăng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Vào giai đoạn đầu, cơ chế quản lý quan liêu đã dẫn đến việc dư thừa cung một số loại nông sản trong khi một số khác luôn rong tình trạng thiếu hụt cả về chất và lượng. Cũng chính vì thế mà giá nông sản liên tục biến động. Để giải quyết vấn đề này, Chính phủ Thái Lan đã xây dựng một tiến trình tái cấu trúc ngành, theo đó khuyến khích và yêu cầu nông dân Thái Lan chuyển dần từ những sản phẩm dư cung sang những sản phẩm có giá trị hơn và mang lại lợi nhuận lớn hơn

Tháng 7/2017, Ủy ban Đầu tư Thái Lan (BOI) cũng thông qua nhiều ưu đãi bổ sung đặc biệt dành cho các nhà đầu tư vào dự án liên quan đến sản xuất nông nghiệp hiện đại nhằm mục tiêu cải thiện ngành nông nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh chính sách khuyến nông, Thái Lan vẫn còn dư địa ở rất nhiều chính sách khác. Ví dụ, chính sách về hỗ trợ về đất đai và giải phóng nguồn lực. Theo xu hướng chung, đất đai canh tác của Thái Lan hiện đang có nguy cơ giảm do đô thị hóa và công nghiệp hóa, chưa kể đến chế độ tư hữu ruộng đất ở Thái Lan khiến ruộng đất nằm trong tay người giàu. Ngoài ra, chính phủ Thái Lan chưa thực hiện mạnh vấn đề chính sách hỗ trợ điều chỉnh cơ cấu. Mặt khác, mặt trái của chính sách an ninh lương thực và hỗ trợ người nông dân của Thái Lan vẫn là sự can thiệp quá mức của chính phủ vào các hoạt động nông nghiệp.

ii) Chính sách công nghiệp hóa nông thôn, ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại

Để phát triển khoa học-kỹ thuật nông nghiệp, Thái Lan đặt ra chiến lược đầu tư vào nông nghiệp, công nghiệp chế biến Thailand 4.0 – một mô hình được thiết kế nhằm chuyển đổi nền kinh tế đất nước thông qua những khoản đầu tư lớn vào công nghệ số và đổi mới sáng tạo. Nhằm đẩy nhanh quá trình chuẩn bị cho Thái Lan trở thành “bếp ăn” công nghệ cao, chính phủ Thái Lan đã giao cho Ủy ban Đầu tư Thái Lan (Thailand Board of Investment – BOI) nhiệm vụ hỗ trợ các công ty thành lập các cơ sở sản xuất hiện đại, trong đó có các biện pháp miễn thuế thu nhập doanh nghiệp lên tới 30 năm, cấp giấy phép sở hữu đất, cấp visa và giấy phép làm việc cho các chuyên gia nước ngoài. Bộ Nông nghiệp và hợp tác xã của Thái Lan (MOAC) đã dành tới 95% tổng ngân sách nghiên cứu và phát triển của Chính phủ trong lĩnh vực nông nghiệp. Sau đó, khi hoạt động sản xuất đã vào guồng và dần được tư nhân hóa, tỷ lệ ngân sách của MOAC cho hoạt động nghiên cứu và mở rộng đã giảm dần, từ mức 0,47% GDP vào năm 2000 xuống còn 0,41% vào năm 2015. Trong giai đoạn 2005 đến 2009, MOAC cũng dành đáng kể mức ngân sách cho nghiên cứu phát triển những công nghệ mới trong lĩnh vực nông nghiệp của Thái Lan.

Hình 0.2 Ngân sách của Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, giai đoạn 2005-2015

Năm	Giá trị (triệu baht)	% trong GDP của lĩnh vực nông nghiệp	% của GDP
2005	11441.36	3.57	0.65
2006	13 206.21	3.45	0.66
2007	14251.14	3.10	0.62
2008	16 725.01	3.31	0.66
2009	17 629.19	3.43	0.68
2010	14132.32	2.50	0.55
2011	14 674.71	2.92	0.56
2012	14 889.07	2.91	0.54
2013	14 702.58	2.76	0.51
2014	14 598.64	2.47	0.48
2015	13 503.73	1.99	0.41

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan, số liệu qua nhiều năm

iii) Chính sách “thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài” – nhân tố quan trọng trong chính sách phát triển nông nghiệp của Thái Lan

Tại Thái Lan, các chính sách ưu đãi đầu tư của Chính phủ đã giúp cho ngành nông nghiệp có những bước tiến dài trong việc xuất khẩu hàng hóa như Luật Xúc tiến đầu tư (2001), quy định những ưu đãi về thuế và phi thuế đối với hoạt động đầu tư của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chính phủ Thái Lan đưa ra chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo lãnh thổ với ba khu vực ưu đãi khác nhau. Các dự án đầu tư vào khu vực 1 được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm; khu vực 2 là 3 năm và có thể kéo dài 5 năm; khu vực 3 là 8 năm.

Ngoài ra, Chính phủ cũng từng bước chuyển ưu đãi thuế đơn thuần sang ưu đãi thuế trọn gói bao gồm cả thuế, lao động, thủ tục cấp phép trong thời gian nhanh nhất, cung ứng lao động và cơ sở hạ tầng cho nhà đầu tư và quan trọng nhất là đơn giản hóa thủ tục hành chính.

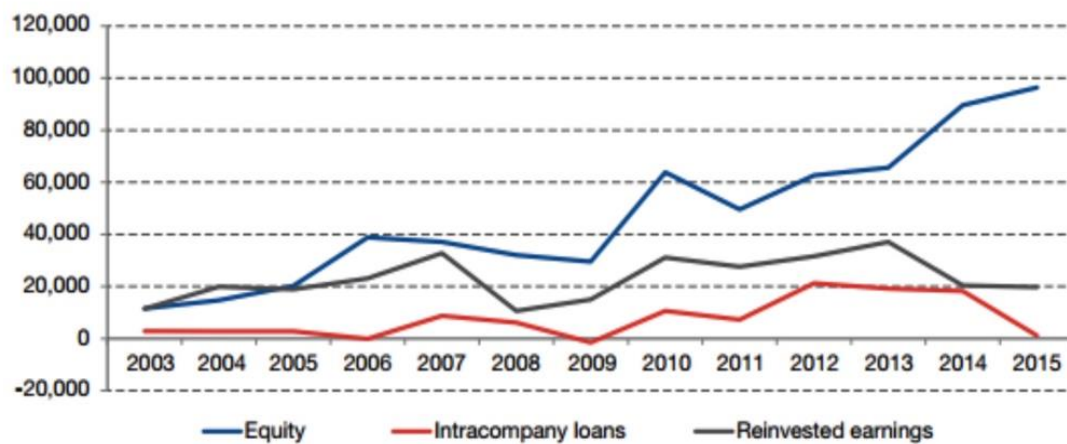
Thái Lan là quốc gia có mức tăng trưởng nhanh nhất trong tổng vốn nông nghiệp tại khu vực Đông Á và Thái Bình Dương.

Hình 0.3 Đầu tư vào khu vực nông nghiệp tại một số quốc gia 1980-2015

Năm	Vốn nông nghiệp/người (triệu USD)				Tăng trưởng tổng vốn nông nghiệp (%)	
	1980	1990	2000	2015	1990-2000	2000-2015
Đông Á Thái Bình Dương	1.076	1.050	1.186	1.294,2	2,2	2
Campuchia	842	1.351	1.227	1.149	1,5	1,4
Indonesia	1.575	1.737	1.770	1.944	1,5	1,6
Malaysia	6.623	9.620	11.174	12.453	1,1	0,3
Việt Nam	1.178	1.279	1.936	2.251	5,9	3,5
Thái Lan	1.285	1.339	1.431	1.601	0,1	1,4

Nguồn: FAO (2017)

Chính phủ Thái Lan cũng đưa ra các chiến lược đầu tư cho ngành nông nghiệp. Trước hết, chính phủ đã tăng cường vai trò các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Đầu tư tư nhân vào nghiên cứu nông nghiệp và lương thực tăng nhanh và đạt 36 triệu USD (2016). Thái Lan đứng sau Indonesia trong khu vực ASEAN về thu hút FDI vào nông nghiệp trong ba năm liên tiếp 2013 - 2015 với số vốn lần lượt đạt hơn 1,21 triệu USD, hơn 1,83 triệu USD và 2,02 triệu USD. Malaysia đứng đầu về thu hút vốn FDI vào nông nghiệp tại khu vực ASEAN trong năm 2015 với hơn 11,12 triệu USD, đứng thứ hai năm 2014 với 10,87 triệu USD. Tốp 5 nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào nông nghiệp Thái Lan theo thứ tự là: Nhật Bản, Mỹ, Malaysia, Đài Loan và Trung Quốc. Đầu tư nước ngoài trong nông nghiệp Thái Lan tiếp tục tăng và đạt 428 dự án (2016); đứng thứ ba trong tổng số dự án FDI vào Thái Lan, sau ngành dịch vụ và cơ sở hạ tầng, ngành giấy và hóa chất.



Source: ASEAN Secretariat, ASEAN FDI database.

Hình 0.4: Vốn FDI đầu tư vào nông nghiệp của các nước ASEAN

Nguồn: ASEAN Secretariat, 2017

3.1.2.3 Đánh giá kết quả tái cấu trúc nông nghiệp

Nhìn chung quá trình cải cách đã mang lại những thành tựu đáng ghi nhận cho ngành nông nghiệp Thái Lan. Quá trình này dẫn tới cơ cấu nông nghiệp thay đổi cùng với sự thay đổi điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước. Ngành trồng trọt của Thái Lan là khu vực sản xuất mang nhiều lợi thế với các loại nông sản chủ lực như lúa gạo, ngô, mía đường, cao su và hoa quả nhiệt đới. Hiện nay, Thái Lan là nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo, Thái Lan xuất khẩu khoảng 10 triệu tấn/năm. Mía đường cũng là một thế mạnh với tiềm lực hiện tại ước đạt 60 triệu tấn/năm, xuất khẩu trên 4 triệu tấn.

Tuy nhiên chính phủ Thái Lan vẫn can thiệp quá nhiều vào hoạt động kinh tế của khu vực nông nghiệp. Các chính sách can thiệp thị trường của chính phủ với mục tiêu đảm bảo lợi ích cho người nông dân chính là một hạn chế trong việc làm giảm tính cạnh tranh, đặc biệt là khi Thái Lan sẽ phải sớm mở cửa thị trường trong nước khi tham gia các hiệp định thương mại tự do.

3.1.3 Tái cấu trúc nông nghiệp của Israel

3.1.3.1 Nguyên nhân và bối cảnh tái cấu trúc nông nghiệp của Israel

Israel không có nhiều điều kiện để phát triển nông nghiệp, diện tích đất có thể trồng trọt được chỉ chiếm khoảng 20% tổng diện tích lãnh thổ quốc gia, còn lại là đất khô cằn và đồi núi. Tuy nhiên, nền nông nghiệp Israel lại phát triển khá năng động, đặc trưng bởi quy mô sản xuất nhỏ nhưng tập trung chuyên sâu, như một sự bù đắp cho những khan hiếm về tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là nguồn nước. Nhà nước có một vị trí quan trọng trong các chính sách phát triển nông nghiệp ở Israel. Chính phủ không những tham gia điều tiết hoạt động của khu vực nông nghiệp dưới hình thức viện trợ, quản lý tập trung mà còn phân bổ hạn ngạch sản xuất, quản lý giá cả và bảo vệ nhập khẩu.... Ngoài ra, nhà nước còn can thiệp vào việc phân bổ một số những yếu tố sản xuất quan trọng như đất, nước hay lao động nước ngoài.

3.1.3.2 Chính sách của Chính phủ và nội dung tái cấu trúc nông nghiệp

i) Đầu tư mạnh trong nghiên cứu và phát triển (R&D) để thực hiện các mục tiêu phát triển nông nghiệp quốc gia

Chính phủ Israel đặc biệt đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu và triển khai công nghệ, khoa học kỹ thuật mới cũng như thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước hỗ trợ tài chính cho các chương trình phát triển công nghệ nông thôn. Bộ Công nghiệp và Thương mại luôn đứng ra trợ cấp tài chính cho các công ty công nghệ, các trung tâm R&D và xây dựng các nhà máy công nghiệp (đảm nhiệm từ 30-60% chi phí phát triển). Ngoài ra, thông qua mạng lưới của mình, Chính phủ cũng hỗ trợ đáng kể cho hơn 20 vườn ươm công nghệ rải rác khắp cả nước. Riêng trong giai đoạn 2000 – 2018, tổng kinh phí đầu tư cho hoạt động R&D của Israel luôn dao động ở mức 4% - 5% GDP. Như vậy, trung bình mỗi năm vốn đầu tư cho các hoạt động R&D của Israel tương đương với khoảng 10-11 tỷ đô-la.

ii) Xây dựng nền nông nghiệp thông minh, ứng dụng khoa học công nghệ cao để tận dụng lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp

Chính phủ đã thành lập cơ quan Dịch vụ Mở rộng Israel (IES), một tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổ chức này gồm những chuyên gia công nghệ và nông nghiệp hàng đầu, được giao trọng trách triển khai các chương trình đổi mới công nghệ phục vụ nông nghiệp, đảm bảo tính hiệu quả trong việc truyền dẫn thông tin và kết nối nông dân, hiệp hội nông dân, các tổ chức nghiên cứu và người tiêu dùng. Đồng thời huấn luyện những nông dân còn thiếu kỹ năng, chủ yếu là người nhập cư chưa quen với điều kiện khắc nghiệt ở Israel có thể dễ dàng thích nghi với nền nông nghiệp hiện đại ở quốc gia này... Ngoài ra, chính phủ Israel đặc biệt chú trọng quan hệ hợp tác với các quốc gia đang phát triển trên thế giới trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp. Nội dung các dự án chủ yếu tập trung xoay quanh những vấn đề liên quan tới kỹ thuật nông nghiệp, hoạt động tư vấn, R&D, xây dựng năng lực con người và phát triển nông thôn.

iii) Chính sách đầu tư, phối hợp giữa các chủ thể hướng tới mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững

Hơn 80% hoạt động nông nghiệp ở Israel được tổ chức theo mô hình hợp tác xã, tiêu biểu là mô hình kibbutz và moshav. Hai mô hình này xuất hiện ở Israel những năm đầu thế kỷ 20 và được ghi nhận là những hình thức tổ chức nông nghiệp thành công nhất ở quốc gia này khi trở thành đầu tàu phát triển của ngành nông nghiệp. Cả kibbutz và moshav đều được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, người dân có quyền bầy tỏ chứng kiến của mình thông qua các cuộc bầu cử, trưng cầu dân ý. Những hợp tác xã dạng này hiện nay vẫn đóng góp tới 80% sản lượng nông nghiệp của Israel.

Chính phủ thực thi các chính sách đảm bảo ổn định và phát triển nông nghiệp nhưng vẫn nhấn mạnh mục tiêu đa dạng hóa phát triển các ngành kinh tế khác ở nông thôn. Với định hướng phát triển của chính phủ, những năm trở lại đây, ngành du lịch đồng quê trở thành một trong những thế mạnh kinh tế của Israel.

3.1.3.3 Đánh giá kết quả tái cấu trúc nông nghiệp

Nhìn chung nhờ những chính sách phát triển NNBV hiệu quả, Israel đã đạt được thành tựu vượt trội, là một trong những quốc gia có nền nông nghiệp tiên tiến nhất thế giới với sản lượng nông sản, lương thực cao nhất thế giới. Trong khi vào đầu những năm 1950, một lao động nông nghiệp làm việc toàn thời gian có thể đáp ứng lương thực cho 17 người, đến năm 2015 con số này đã tăng lên 125. Từ năm 1990 đến năm 2016, năng suất yếu tố tổng (TFP) trong nông nghiệp tăng gấp đôi, với tốc độ tăng nhanh hơn so với bất kỳ lĩnh vực nào khác của nền kinh tế Israel.

3.2 Đánh giá và bài học kinh nghiệm rút ra từ tái cấu trúc nông nghiệp của một số nước trên thế giới

Từ việc nghiên cứu quá trình cải cách, phát triển nông nghiệp ở Nhật Bản, Thái Lan và Israel có thể rút ra một số điểm sau:

Một là đề cao vấn đề an ninh lương thực và bảo vệ lợi ích của người nông dân. Dù ở trình độ phát triển nào thì an ninh lương thực luôn là ưu tiên hàng đầu của Nhật Bản, Israel và Thái Lan. Bên cạnh đó, chính phủ cũng kiên trì chính sách bảo hộ nền nông nghiệp để hỗ trợ người nông dân trong nước, trước hết là thực hiện giảm nghèo và đảm bảo một cuộc sống tốt hơn

Hai là, kết hợp phát triển nông nghiệp với công nghiệp.

Yếu tố công nghệ đóng góp một tỷ trọng rất lớn cho thành công của ngành nông nghiệp, bên cạnh xuất khẩu các sản phẩm nông sản, Israel còn đứng đầu thế giới về xuất khẩu các sản phẩm công nghệ, kỹ thuật nông nghiệp. Tại Nhật Bản, do các ngành thực phẩm chế biến phát triển của mà người dân có thêm nhiều việc làm, thu nhập được cải thiện, từ đó Nhật Bản đã tạo thị trường nội địa đủ vốn cho hàng hóa công nghiệp tích lũy cho xuất khẩu.

Ba là tăng cường ứng dụng công nghệ, hiện đại hoá nền nông nghiệp quốc gia. Nhờ ứng dụng công nghệ và các thành tựu khoa học mới, năng suất nông nghiệp ở Israel, Nhật Bản và Thái Lan tăng đáng kể trong những năm qua.

Bốn là những thách thức của vấn đề dân số và đất đai.

Diện tích đất nông nghiệp đang ngày càng giảm mạnh do nhiều yếu tố như: công nghiệp hoá và đô thị hoá, biến đổi khí hậu và bỏ hoang do thiếu người canh tác

Năm là thách thức từ các vấn đề tự do hoá và hội nhập quốc tế.

Thách thức này gắn liền với hệ lụy của chính sách bảo hộ nông nghiệp và xu thế không tránh khỏi của đẩy mạnh hội nhập quốc tế và tự do hoá nông nghiệp. Việc tham gia các FTA thế hệ mới vừa mở ra cơ hội xuất khẩu nông sản cho các nước như Thái Lan song cũng phải đối đầu với những đối thủ cạnh tranh lớn, với sức cung nông sản khổng lồ trên thị trường quốc tế như Mỹ, Trung Quốc.

CHƯƠNG 4: GỢI MỞ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TÁI CẤU TRÚC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

4.1 Yêu cầu và định hướng tái cấu trúc nông nghiệp Việt Nam

4.1.1 Yêu cầu và định hướng tái cấu trúc trong chiến lược tái cơ cấu nền kinh tế

Hiện nay, tác động tích cực của nhiều chính sách “cởi trói” trong nông nghiệp và nông thôn dường như đã tới hạn, thậm chí một số chính sách lại cản trở sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn và giải quyết các vấn đề thiết yếu của nông dân. Kinh tế hộ một thời phát huy tác dụng tích cực như một động lực mạnh mẽ giúp người nông dân tích cực lao động trên mảnh ruộng được giao quyền sử dụng, nhưng đến nay không còn thích ứng với yêu cầu áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới, tập trung và chuyên môn hóa cao và với những đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường về số lượng, chất lượng, chi phí và thời gian cung ứng. Ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn nặng về nông nghiệp thuần (trồng trọt và chăn nuôi) mà chưa khai thác được các lợi thế tự nhiên về rừng, đất rừng, mặt nước sông, hồ, biển để phát triển mạnh các chuyên ngành lâm nghiệp và thủy sản, đưa các chuyên ngành này trở thành sản xuất chính của nông nghiệp. Đặc biệt là chuyên ngành lâm nghiệp hiện đang sử dụng quỹ đất lớn nhất, nhưng giá trị làm ra lại thấp nhất. Chất lượng của chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp chưa được định hướng đúng vào nhu cầu của các thị trường tiêu thụ.

4.1.2 Quan điểm và định hướng của Việt Nam

Trải qua 30 năm Đổi mới, đến nay Việt Nam cần phải đổi mới tư duy một lần nữa trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Điều này đặt ra hai vấn đề quan trọng:

Thứ nhất, phải thay đổi mô hình sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, thiếu liên kết sang mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, dựa vào doanh nghiệp và các mô hình trang trại, hoạt động theo cơ chế thị trường.

Thứ hai, cần thay đổi cách tiếp cận truyền thống trong phát triển nông

nghiệp, chuyển từ chỗ chú trọng sản lượng sang chú trọng chất lượng và giá trị; phát triển một nền nông nghiệp hiện đại, dựa vào kỹ thuật và công nghệ, có năng suất và giá trị gia tăng cao, đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế.

Có 5 quan điểm chính sách tái cấu trúc ngành nông nghiệp.

Thứ nhất, tái cấu trúc ngành nông nghiệp là một hợp phần của tái cấu trúc tổng thể nền kinh tế quốc dân, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; Thứ hai, thực hiện tái cấu trúc nông nghiệp vừa phải theo cơ chế thị trường, vừa phải đảm bảo các mục tiêu cơ bản về phúc lợi cho nông dân và người tiêu dùng; chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng lấy số lượng làm mục tiêu phấn đấu sang nâng cao chất lượng, hiệu quả; Thứ ba, Nhà nước giữ vai trò hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các thành phần kinh tế; tập trung hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học, công nghệ; Thứ tư, tăng cường sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, xã hội từ trung ương đến địa phương trong quá trình tái cơ cấu ngành; đẩy mạnh phát triển đối tác công tư (PPP) và cơ chế đồng quản lý, phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng. Thứ năm, tái cấu trúc là một quá trình phức tạp, khó khăn và lâu dài cần được thường xuyên đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm để điều chỉnh phù hợp.

Sau khi ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2013, đầu năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đưa ra Bộ Tiêu chí giám sát, đánh giá về cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 với 15 tiêu chí.

4.2 Thực trạng quá trình tái cấu trúc nông nghiệp Việt Nam

4.2.1 Một số kết quả ban đầu

Mục tiêu thứ nhất: Tăng trưởng GDP của ngành nông nghiệp đã chuyển từ xu hướng tăng trưởng thấp, không ổn định, bước đầu đi vào phục hồi. Mặc dù xuất khẩu nông nghiệp tiếp tục tăng mạnh song giá trị gia tăng chưa cao. Xu hướng tăng trưởng năng suất lao động (NSLĐ) nông nghiệp tiếp tục được duy trì nhưng năng suất lao động nông nghiệp của Việt Nam vẫn thấp hơn các nước trong khu vực

Mục tiêu thứ hai: Cuộc sống dân cư nông thôn tuy đã được cải thiện song tỷ lệ người nghèo vẫn còn cao, nhất là tính theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều. n ninh lương thực tuy đã được đảm bảo song chưa thực sự vững chắc

Bảng 0.1: Chỉ số an ninh lương thực của Việt Nam

	2015	2016	2017	2018	2019
Chỉ số tổng hợp	53	54	54	56	54
Khả năng chi trả	55	55	55	56	55
Mức độ sẵn có	53	53	52	57	53
Chất lượng và an toàn	48	53	54	54	54

Mục tiêu thứ ba: Sự phát triển thiếu bền vững của nông nghiệp Việt Nam đã gây ra những tác động môi trường không nhỏ. Điều này có một phần nguyên

nhân là việc sử dụng quá nhiều vật tư đầu vào và sử dụng lãng phí nước đã khiến cho môi trường xuống cấp tại các vùng nông nghiệp trọng điểm. Bên cạnh vấn đề ô nhiễm môi trường, nền nông nghiệp Việt Nam cũng đang đối mặt với tình trạng gia tăng thiên tai và thời tiết khắc nghiệt

4.2.2 Tái cấu trúc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn

4.2.2.1 Lĩnh vực trồng trọt

Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, sau 3 năm tái cơ cấu ngành nông nghiệp, có một số kết quả tích cực đạt được, tuy nhiên còn có rất nhiều những hạn chế. Một số nguyên nhân khách quan được chỉ ra đó là do thời tiết bất lợi đã làm cho tăng trưởng sản lượng trong ngành nông nghiệp ở mức thấp, thậm chí sản lượng trong nông nghiệp suy giảm. Tiếp đến là do nhu cầu thế giới cho các mặt hàng nông sản suy giảm và bấp bênh. Ngoài ra có các nguyên nhân chủ quan hạn chế sự phát triển và cản trở quá trình tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt. Thứ nhất, nút thắt quan trọng trong hoạt động trồng trọt là tích tụ và tập trung đất đai, đây là nguyên nhân làm cho đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp thấp. Thứ hai, liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp còn lỏng lẻo. Thứ ba, vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng nông sản thấp làm giảm giá trị hàng nông sản của người nông dân.

4.2.2.2 Lĩnh vực chăn nuôi

Theo các mục tiêu định lượng cho tái cơ cấu ngành chăn nuôi, hầu như các chỉ tiêu đều đạt được. Ngoài ra, ngành chăn nuôi cũng đạt được một số thành tựu nhất định trong ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất. Một điểm sáng nữa trong tái cơ cấu ngành chăn nuôi là sự tham gia của một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn với quy trình sản xuất khép kín như Vinamilk, TH true milk,... Tuy nhiên, ngành chăn nuôi cũng gặp phải rất nhiều các hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế gồm có: Thứ nhất, người sản xuất trong ngành chăn nuôi Việt Nam chủ yếu là các hộ gia đình nhỏ lẻ, vốn ít vì thế quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ chăn nuôi lạc hậu. Thứ hai, thị trường cho sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam chủ yếu là tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang Trung Quốc nên hầu như tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng sản phẩm còn thấp, các hộ gia đình không có động lực để cải thiện chất lượng sản phẩm. Thứ ba, quản lý và giám sát chất lượng sản phẩm còn lỏng lẻo.

4.2.2.3 Lĩnh vực phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn

Kể từ khi thực hiện tái cơ cấu liên quan đến phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn vào năm 2013 sự phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn đã đạt được một số kết quả bước đầu. Bên cạnh những thành công sự phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn còn rất nhiều hạn chế. Thứ nhất, quy mô của các cơ sở chế biến rất nhỏ bé, các cơ sở chế biến thiếu vốn để đầu tư vào công nghệ. Thứ hai, các doanh nghiệp lớn đầu tư vào nông nghiệp còn ít nên chưa tạo thành mạng lưới kết nối với các thị trường lớn, khó tính nhưng có giá trị gia tăng cao. Thứ ba, quản lý và giám

sát vệ sinh an toàn thực phẩm còn lỏng lẻo làm cho các sản phẩm nông nghiệp có mức độ an toàn thấp, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Thứ tư, hầu hết các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam chưa có thương hiệu trên thị trường thế giới. Thứ sáu, là ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

4.3 Một số hàm ý chính sách cho tái cấu trúc nông nghiệp Việt Nam

Nền nông nghiệp Việt Nam cũng đang chịu tác động mạnh của các yếu tố và xu hướng phát triển lớn của thế giới. Đó là:

Thứ nhất, cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư diễn ra rất nhanh chóng, đòi hỏi phải có những điều chỉnh cơ bản trong phương thức sản xuất nông nghiệp, nhanh chóng hướng tới một nền nông nghiệp hiện đại, dựa trên tự động hoá, trong lúc xuất phát điểm của nền nông nghiệp hiện nay của Việt Nam còn thấp.

Thứ hai, các vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng và hiện tượng thời tiết khắc nghiệt...đang ngày càng diễn ra thường xuyên, tác động nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp Việt Nam.

Thứ ba, quá trình hội nhập quốc tế diễn ra nhanh chóng cũng đặt nền nông nghiệp Việt Nam trước nhiều thách thức cạnh tranh và thích ứng với những biến động khó lường trên thị trường thế giới.

Thứ tư, nền nông nghiệp Việt Nam hiện cũng đang phải đối mặt với nhiều điểm nghẽn về thể chế, chính sách; đặc biệt các vấn đề liên quan đến đất đai, thị trường, tín dụng, kết cấu hạ tầng, hình thức tổ chức sản xuất và cơ chế phối hợp (như hợp tác xã), giám sát chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm...cần được tháo gỡ để tạo ra những động lực phát triển mới.

Thứ năm, hoạt động sản xuất nông nghiệp và khu vực nông thôn hiện đang gặp phải sự “chia cắt” với hoạt động sản xuất, dịch vụ, thương mại cũng như nền kinh tế thành thị trên nhiều mặt: mức sống, không chỉ thu nhập mà cả các điều kiện sinh hoạt và xã hội khác (y tế, giáo dục, giải trí, chất lượng của các dịch vụ công...); kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông; việc làm có thu nhập cao và chất lượng; ...

Bối cảnh đó cũng đặt ra yêu cầu mới, phức tạp hơn đối với quá trình tái cấu trúc nông nghiệp Việt Nam. Một là phạm vi thời gian của Đề án đưa ra quá ngắn (đến năm 2020); trong khi Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 – 2020 trong năm 2017. Hai là những mục tiêu cụ thể được đặt ra trong Đề án tái cấu trúc nông nghiệp Việt Nam cũng rất khiêm tốn; không đủ để xoay chuyển thực trạng phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam thời điểm năm 2020. Ba là việc triển khai đề án quá chậm trễ, trong lúc Đề án đặt ra khung thời gian đến năm 2020. Việc triển khai nhìn chung không quyết liệt vì các nguồn lực bị hạn chế và những yếu kém nội tại của nền nông nghiệp Việt Nam.

4.3.1 Các hàm ý chính sách đối với Chính phủ

Một là bài học về lựa chọn mô hình CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn phù hợp với trình độ phát triển của đất nước.

Trong thời gian tới, CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn Việt Nam cần có hai định hướng chính sách quan trọng sau: Thứ nhất, cần thay đổi cách tiếp cận truyền thống trong CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn, chuyển từ chỗ chú trọng gia tăng sản lượng sang chú trọng nâng cao chất lượng và giá trị; chuyển hướng sang phát triển một nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, thông minh và hội nhập; Thứ hai, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững.

Hai là bài học về đẩy mạnh cải cách thể chế phát triển nông nghiệp

Trọng tâm của cải cách thể chế nông nghiệp là chú trọng dỡ bỏ những nút thắt, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, luật pháp, chính sách đối với sản xuất nông nghiệp.

4.3.1 Các hàm ý chính sách đối với Địa phương

Một là bài học về đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao; Hai là bài học về tháo gỡ rào cản tín dụng cho nông nghiệp; Ba là tháo gỡ các cơ chế, chính sách cho tích tụ, tập trung đất đai; Bốn là nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng cho nông nghiệp và nông thôn

KẾT LUẬN

Trải qua hơn 30 năm Đổi mới, trước những cơ hội và thách thức lớn trong bối cảnh hiện nay Việt Nam cần phải đổi mới tư duy một lần nữa trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thứ nhất, phải thay đổi mô hình sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, thiếu liên kết sang mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, hoạt động theo cơ chế thị trường. Thứ hai, cần thay đổi cách tiếp cận truyền thống trong phát triển nông nghiệp, chuyển từ chỗ chú trọng sản lượng sang chú trọng chất lượng và giá trị; phát triển một nền nông nghiệp hiện đại, dựa vào kỹ thuật và công nghệ, có năng suất và giá trị gia tăng cao, đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế.

Bối cảnh đó cũng đặt ra yêu cầu mới, phức tạp hơn đối với quá trình tái cấu trúc nông nghiệp Việt Nam.

Từ những yêu cầu bức thiết của bối cảnh hiện nay, nhất là trước những tác động nhanh chóng và sâu sắc của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và yêu cầu hội nhập, tái cấu trúc nông nghiệp Việt Nam cần dựa trên những cải cách ở ba trụ cột quan trọng là: i) bền vững; ii) thông minh; và iii) hội nhập. Trên cơ sở đó, mục tiêu phát triển nông nghiệp Việt Nam đến năm 2030 với tầm nhìn đến năm 2045 là: xây dựng một nền nông nghiệp bền vững, thông minh và hội nhập; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia; mang lại sự phát triển thịnh vượng, bao trùm cho khu vực nông thôn, cuộc sống sung túc cho các hộ nông dân; góp phần đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp, hiện đại.

Để thực hiện được tầm nhìn nói trên, tái cấu trúc nông nghiệp Việt Nam cần đặt trọng tâm vào nhóm vấn đề quan trọng: i) đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) nông nghiệp và nông thôn; và ii) cải cách thể chế phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Ở nhóm vấn đề thứ nhất, Việt Nam cần tập trung vào việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất và phát triển bền vững. Chính sách phát triển nông nghiệp bền vững tập trung vào đa dạng hoá cơ cấu ngành nông nghiệp và thiết lập nền tảng để nâng cao năng lực cạnh tranh và năng suất, từ đó hình thành một số lĩnh vực nông nghiệp có thế mạnh, hướng ra xuất khẩu. Để cải thiện cơ cấu ngành nông nghiệp, cần tiếp tục chú trọng phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp; đẩy mạnh đầu tư cho các ngành công nghiệp chế biến nông sản ở khu vực nông thôn để đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp chế biến. Hai đột phá chính sách trọng tâm này là: i) đẩy mạnh việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao; ii) và tháo gỡ điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng cho nông nghiệp và nông thôn.

Ở nhóm vấn đề thứ hai, Việt Nam cần thiết lập những thể chế có tính chất vượt trội trên nền tảng thể chế kinh tế thị trường nhằm hỗ trợ và khuyến khích phát triển nông nghiệp. Cần có sự liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa nhà nước, đặc biệt là chính quyền địa phương với doanh nghiệp, nhà khoa học và người nông dân để giúp tháo gỡ những khó khăn mà tự người nông dân và cả doanh nghiệp khó làm được hoặc không thể tìm được tiếng nói chung, đặc biệt trong việc tìm kiếm thị trường đầu ra, thị trường đầu vào, áp dụng công nghệ hiện đại và những kỹ thuật canh tác mới...

Để có những đột phá phát triển của các doanh nghiệp nông nghiệp, cần chú trọng xây dựng một số tổ hợp công nghiệp-nông nghiệp-dịch vụ lớn ở trong nước để thực hiện thu mua, chế biến sản phẩm, xuất khẩu nông sản và sản xuất nguyên vật liệu cho nông dân sử dụng. Ngoài ra, cần có quyết tâm cải cách để tháo gỡ một số điểm nghẽn về thể chế trong phát triển nông nghiệp và nông thôn như: hợp tác công tư trong xây dựng kết cấu hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn; tích tụ và tập trung đất đai nông nghiệp; tín dụng cho phát triển nông nghiệp, nhất là nông nghiệp công nghệ cao... Lý thuyết và thực tiễn thế giới đã chỉ ra rằng, tri thức bản địa đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự thành công của các mô hình phát triển nông nghiệp và nông thôn. Do vậy, cần chú ý tổng kết, nhân rộng kinh nghiệm thành công của các mô hình chăn nuôi, trồng trọt, hợp tác cộng đồng, ứng dụng rộng rãi sáng kiến cải tiến kỹ thuật của người nông dân... phù hợp với phong tục, tập quán và điều kiện tự nhiên của các địa phương.

Cuối cùng, để có thể huy động tốt nguồn lực của người nông dân trong phát triển, cần xây dựng mô hình chính quyền nông thôn vững mạnh, được cộng đồng tin tưởng, tín nhiệm; phát huy vai trò làm chủ, tự chủ, tự quản của người nông dân. Chính quyền phải thực hiện công khai, minh bạch trong các khoản đóng góp, thường xuyên trao đổi bàn bạc với nhân dân, thực hiện tốt khâu tuyên truyền, vận động tránh mọi hình thức áp đặt cưỡng chế gây bức xúc trong cộng đồng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

- [1] Phạm Thu Phương, Vĩnh Bảo Ngọc, 2019. "Kinh nghiệm thu hút FDI trong ngành nông nghiệp của một số nước Đông Nam Á". *Tạp chí nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông*, số 1(161) - tháng 1..
- [2] Vĩnh Bảo Ngọc, 2019. "Chính sách phát triển nông nghiệp của Nhật Bản và một số hàm ý cho Việt Nam". *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN – Kinh tế và Kinh doanh*, Vol.35, số 1.
- [3] Nguyen Manh Hung, Vinh Bao Ngoc, 2019. "Agricultural restructure policy in Vietnam and lessons learned". *International Scientific Conference Proceedings Leadership and Policy Innovation in the Digital Age*, ISBN: 978-604-962-218-2.
- [4] Vĩnh Bảo Ngọc, Phạm Thu Phương, 2020. "Đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong bối cảnh mới và một số hàm ý cho Việt Nam". *Tạp chí nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông*, số 1(173) - tháng 1.
- [5] Vĩnh Bảo Ngọc, 2020. "Chính sách phát triển nông nghiệp Thái Lan và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN – Kinh tế và Kinh doanh*, Vol.36, số 1.
- [6] Vinh Bao Ngoc, Nguyen Manh Hung, Pham Thu Phuong, 2021. "Agricultural Restructure Policy in Vietnam and Practical Application for Sustainable Development in Agriculture", *Nanomaterials for Sustainable Development in Agriculture*, Journal of Nanomaterials, Article ID 5801913, ISSN / eISSN: 1687-4110 / 1687-4129